

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/LĐ-ST
Ngày 30-9-2025
V/v tranh chấp về tuyên hợp đồng lao động
vô hiệu và giải quyết về bảo hiểm xã hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Ngọc Minh

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 02/2025/TLST-LĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp về tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và giải quyết về bảo hiểm xã hội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-LĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2025/QĐST-LĐ ngày 26 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B (trước đây là xã B, huyện C), tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH G (viết tắt là Công ty G); địa chỉ: Tổ dân phố F, phường H, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: Ông CHANG, TSUNG-YUAN - Chủ tịch; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bảo hiểm xã hội thành phố G; địa chỉ: Số B đường H, phường H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Hương M, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn A, xã H (trước đây là Xóm A, xã T, huyện T), tỉnh Nghệ An; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 09/7/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị U trình bày:

Chị làm việc tại Công ty TNHH S từ tháng 10/2011 đến tháng 02/2018. Sau đó làm việc tại Công ty TNHH C (tỉnh Bắc Ninh) từ tháng 12/2020 đến tháng 7/2024. Hiện chị đang nghỉ việc và được hưởng trợ cấp thất nghiệp do chị đã đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian làm việc. Tuy nhiên, khi làm thủ tục hưởng bảo hiểm thất nghiệp thì cơ quan bảo hiểm xã hội thông báo cho chị biết là trong khoảng thời gian từ tháng 4/2012 đến tháng 8/2012, chị đã nộp bảo hiểm xã hội ở hai nơi và được cấp 02 sổ bảo hiểm xã hội nên chưa thực hiện được việc trợ cấp thất nghiệp.

Số sổ thứ nhất là 2711058275 cấp tại Công ty TNHH S (Bảo hiểm xã hội huyện Y, tỉnh Bắc Ninh), tiền lương tính đóng BHXH là 2.800.000 đồng/tháng. Số sổ thứ hai là 3112052279 cấp tại Công ty G (Bảo hiểm xã hội thành phố G), tiền lương tính đóng BHXH là 2.140.000 đồng/tháng.

Chị không ký hợp đồng lao động và cũng không làm việc tại Công ty G nên việc Công ty G nộp bảo hiểm xã hội cho chị tại Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng là không đúng. Sau khi tìm hiểu thì chị biết thời gian đó là em gái chị là Nguyễn Thị Hương M có sử dụng giấy chứng minh của chị và lấy tên gọi của chị là Nguyễn Thị U để ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty G. Do đó, Công ty G đã đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động cho chị M với tên là Nguyễn Thị U. Chị không ký hợp đồng lao động với Công ty G nhưng lại có quan hệ lao động giữa chị với Công ty G làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị.

Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty G với chị trong khoảng thời gian từ tháng 4/2012 đến tháng 8/2012 là vô hiệu và đề nghị Tòa án yêu cầu buộc Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng đính chính Sổ bảo hiểm xã hội số 3112052279 từ tên Nguyễn Thị U, ngày sinh 15/10/1993 thành tên Nguyễn Thị Hương M, ngày sinh 25/10/1995. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị U đã rút yêu cầu buộc Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng đính chính Sổ bảo hiểm xã hội số 3112052279 từ tên Nguyễn Thị U thành tên Nguyễn Thị Hương M và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Do ở xa, đi lại khó khăn, chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty G không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 21/8/2025, Trưởng Phòng nhân sự của Công ty G trình bày:

Quá trình tuyển dụng, tiếp nhận người lao động được Công ty G tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Khi người lao động có đủ điều kiện, khả năng lao động và cung cấp được đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu thì Công ty sẽ tiếp nhận. Đối với trường hợp người lao động là chị Nguyễn Thị U đã có thời gian làm việc tại Công ty và được Công ty đóng bảo hiểm xã hội theo đúng quy định. Tuy nhiên, do thời gian lao động của chị U tại Công ty đã quá lâu nên Công ty không còn lưu giữ hợp đồng lao động và hồ sơ các tài liệu về quá trình đóng bảo hiểm xã hội nên không thể cung cấp cho Tòa án theo yêu cầu của Tòa án được. Đối với việc chị U cho người khác mượn giấy tờ tùy thân để ký hợp đồng lao động thì Công ty không thể biết được. Công ty không có lỗi trong việc ký kết hợp đồng lao động với chị U. Công ty đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Do Công ty có rất nhiều công việc, không thể trực tiếp đến Tòa án để giải quyết vụ án được, Công ty đề nghị

Toà án giải quyết vụ án vắng mặt theo quy định pháp luật. Tại Văn bản số 08/2025/CV-NSCT ngày 12/8/2025 của Công ty STATEWAY gửi Bảo hiểm xã hội thành phố G thể hiện chị Nguyễn Thị U, sinh ngày 15/10/1993, số chứng minh thư nhân dân tại thời điểm làm việc tại Công ty L có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ tháng 4/2012 đến hết tháng 8/2012.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố G cung cấp thông tin sau:

Theo Văn bản số 358/BHXXH-QLT&PTNTG ngày 20/8/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố G xác nhận chị Nguyễn Thị U, sinh ngày 15/10/1993, số chứng minh thư nhân dân 187331023, mã số bảo hiểm xã hội 3112052279 có thời gian tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN từ tháng 4/2012 đến hết tháng 8/2012. Bảo hiểm xã hội thành phố G đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Hương M trình bày:

Chị là em gái của chị Nguyễn Thị U. Vào năm 2012, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, cần việc làm để phụ giúp gia đình nhưng do chị chưa đủ tuổi nên không thể xin việc được, vì vậy chị đã tự ý lấy chứng minh thư nhân dân của chị U để xin việc tại Công ty G mà không báo cho chị U biết. Sau đó từ tháng 4/2012 đến tháng 8/2012, chị đã làm việc tại Công ty G dưới tên của chị U. Trong quá trình lao động, chị sử dụng tên của chị U để ký kết hợp đồng lao động và các giấy tờ khác, nhưng chị chỉ còn giữ lại Quyết định số 2839/QĐ-Ct ngày 20/10/2012 của Công ty G về việc chấm dứt hợp đồng lao động với chị, ngoài ra không còn giấy tờ gì khác. Chị khẳng định chị là người trực tiếp lao động, nhận lương tại Công ty G và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định. Từ khi chị vào công ty làm việc cho đến khi nghỉ việc, chị U chưa bao giờ đến công ty làm việc. Do hoàn cảnh khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế và mong muốn duy trì công việc nên chị không thông báo cho công ty biết về việc mình mượn hồ sơ pháp lý của chị U để giao kết hợp đồng lao động. Đến nay, chị không còn nhớ số, ngày, tháng, năm ký kết hợp đồng lao động với Công ty G cụ thể như thế nào. Chị đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị U tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty G với chị Nguyễn Thị U (do chị là người trực tiếp ký) là vô hiệu. Do chị có lỗi trong việc cung cấp giấy tờ cho công ty ký kết hợp đồng dẫn đến vô hiệu nên chị không đòi hỏi bất kỳ quyền lợi nào của chị liên quan đến sổ bảo hiểm xã hội số 3112052279 mang tên chị U (do chị đóng bảo hiểm), chị không yêu cầu Tòa án chính thông tin sổ bảo hiểm xã hội số 3112052279 từ tên chị U sang tên chị. Do ở xa, đi lại khó khăn, chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt chị.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và gửi thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 và khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, phát

biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 49, Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị Hương M (sử dụng tên chị Nguyễn Thị U) với Công ty G vô hiệu; Đình chỉ yêu cầu buộc Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng đính chính thông tin sổ bảo hiểm xã hội số 3112052279 từ tên Nguyễn Thị U thành tên Nguyễn Thị Hương M; chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc nhận nộp toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và giải quyết về bảo hiểm xã hội đối với bị đơn là Công ty G có địa chỉ trụ sở tại tổ dân phố F, phường H, thành phố Hải Phòng. Theo điểm d khoản 1 và khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81//2025/UBTVQH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 27/6/2025; Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin xét vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện trong khoảng thời gian từ tháng 4/2012 cho đến tháng 8/2012, chị Nguyễn Thị Hương M đã mượn hồ sơ cá nhân của chị Nguyễn Thị U để giao kết hợp đồng lao động vào làm việc tại Công ty G dưới tên của chị U. Chị M được Công ty G đóng bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian trên với tên chị Nguyễn Thị U, sinh ngày 15/10/1993, số chứng minh thư nhân dân 187331023, mã số sổ bảo hiểm xã hội 3112052279. Việc chị M mượn hồ sơ cá nhân của chị U, cung cấp thông tin về nhân thân không trung thực để giao kết hợp đồng lao động với Công ty G là hành vi lừa dối

về mặt chủ thể khi giao kết hợp đồng lao động, đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, hợp đồng lao động được giao kết giữa các bên là hợp đồng không có hiệu lực theo quy định pháp luật. Căn cứ các điều 122, 127 và 136 Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa chị Nguyễn Thị Hương M (sử dụng tên chị Nguyễn Thị U) và Công ty G trong khoảng thời gian từ tháng 4/2012 đến tháng 8/2012 là vô hiệu.

[4] Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu buộc Bảo hiểm xã hội thành phố G đính chính thông tin sổ bảo hiểm xã hội số 3112052279 từ tên Nguyễn Thị U, sinh ngày 15/10/1993 thành tên Nguyễn Thị Hương M, sinh ngày 25/10/1995. Xét thấy, việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện trên là tự nguyện, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn.

[6] *Về án phí*: Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn xin nhận nộp toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994;

Căn cứ Điều 49, Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ vào Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị U đối với bị đơn là Công ty TNHH G.

Tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa chị Nguyễn Thị Hương M (sử dụng tên chị Nguyễn Thị U) và Công ty TNHH G trong khoảng thời gian từ tháng 4/2012 đến tháng 8/2012 là vô hiệu.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Bảo hiểm xã hội thành phố G đính chính thông tin sổ bảo hiểm xã hội số 3112052279 từ tên Nguyễn Thị U, sinh ngày 15/10/1993 thành tên Nguyễn Thị Hương M, sinh ngày 25/10/1995.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị U nhận nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí lao động sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí lao động sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002079 ngày 24/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, chị U đã nộp đủ án phí lao động sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 6 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Hoàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Ngọc Minh Nguyễn Thi Loan

Vũ Văn Hoàng

